

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 121/2025/HS-ST

Ngày: 02 - 6 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Trà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Nhung

Bà Lò Thị Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Quảng Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Năng - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 111/2025/HSST ngày 15 tháng 4 năm 2025, quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2025/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 5 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2025/HSST-QĐ ngày 28/5/2025 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Đồng Minh D**; bị cáo không có tên gọi khác; Sinh năm: 1991, tại tỉnh Điện Biên. Nơi thường trú: Thôn C, xã T, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên; Chỗ ở trước khi bị bắt: Tổ dân phố 6, phường T1, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Đồng Văn K (Đã chết) và bà Trần Thị N; chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ tạm giam từ ngày 18/12/2024 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Nguyễn Tiến T2**; bị cáo không có tên gọi khác; Sinh năm: 1993, tại tỉnh Điện Biên. Nơi thường trú: Tổ dân phố 3, phường M, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên; Chỗ ở trước khi bị bắt: Tổ dân phố 2, phường H, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Tiến V và bà Đặng Thị 3; Vợ: Nguyễn Thị N1 và 02 con: con lớn sinh năm 2019, con nhỏ sinh năm 2024; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ tạm giam từ ngày 18/12/2024 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Quàng Thị D - sinh năm 1989; Địa chỉ: Bản M, xã N2, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

+ Bà Quàng Thị H – Sinh năm 1991; Địa chỉ: Tổ 08, phường T1, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 16/12/2024, Đồng Minh D điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 27P1-039.99 đến bản X, xã Th, huyện Điện Biên để tìm mua ma túy về sử dụng và bán kiếm lãi đã gặp và mua của một người phụ nữ không quen biết được 38 viên Methamphetamine được gói bằng 01 túi nilon màu trắng loại có mép dính và 0,19 gam Methamphetamine dạng hạt tinh thể để trong gói nhựa màu đen với giá 1.200.000 đồng. Sau đó, D đi về phòng trọ tại tổ 6, phường T1, thành phố Điện Biên Phủ rồi lấy gói chứa 38 viên Methamphetamine chia làm 03 gói nhỏ trong đó: 01 gói chứa 03 viên Methamphetamine gói bằng 01 mảnh nilon màu hồng quấn ngoài bằng băng dính màu đen; 01 gói chứa 06 viên Methamphetamine gói bằng mảnh nilon màu trắng quấn ngoài bằng băng dính màu đen. Số viên Methamphetamine còn lại D để trong vỏ gói ban đầu. D giấu toàn bộ số ma túy trên người. Việc D chia nhỏ ma túy tại phòng trọ không có ai biết.

Khoảng 05 giờ ngày 18/12/2024, Nguyễn Tiến T2 gọi điện thoại cho D hỏi mua 03 viên Methamphetamine, D đồng ý bán với giá 150.000 đồng và mô tả chỗ để ma túy là treo trên hàng rào thép B40 sát lối đi vào quán cafe Buông thuộc tổ 6, phường T1, thành phố Điện Biên Phủ. T2 chuyển khoản qua ứng dụng Momo trên điện thoại cho D. D mang gói có 03 viên Methamphetamine ra chỗ đã mô tả cho T2, treo ma túy ở đó rồi về phòng trọ. Khoảng hơn 05 giờ sáng cùng ngày, T2 điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 27H3-2662 đến lấy gói ma túy, sau khi kiểm tra T2 vứt vỏ gói ban đầu đi rồi cho 03 viên Methamphetamine vào túi nilon màu trắng mang theo rồi đi về nhà. Khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, T2 đến nhà nghỉ Tuấn Long thuộc tổ 15, phường M thuê phòng nghỉ. Tại đây, T2 lấy 01 viên Methamphetamine ra sử dụng bằng cách đốt hút, còn 02 viên Methamphetamine có khối lượng 0,18 gam T2 để ở bàn. Hồi 12 giờ 30 phút cùng ngày, tại nhà nghỉ Tuấn Long, Nguyễn Tiến T2 bị tổ công tác Công an thành phố Điện Biên Phủ làm nhiệm vụ phát hiện, bắt quả tang và thu giữ vật chứng.

Khoảng 15 giờ 50 phút ngày 18/12/2024, tại phòng trọ của Đồng Minh D và Quàng Thị D thuê thuộc tổ 6, phường T1. D lấy ra 02 viên Methamphetamine từ túi nilon màu trắng ra để sử dụng, D liên tục sử dụng bằng cách đốt hút 02 viên Methamphetamine, trong đó hết 01 viên và 01 viên còn dở nên D để phần Methamphetamine còn lại trên mảnh giấy bạc cùng chiếc bật lửa gas màu xanh và ống điều tự chế xuống mặt chiếu. Khi đó có Quàng Thị H (là em gái ruột của Quàng Thị D) và Quàng Thị D tự ý lấy số Methamphetamine dở còn lại đốt hút, D nhìn thấy nhưng bỏ mặc. Hồi 16 giờ 20 phút cùng ngày tại tổ 6, phường T1,

thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên, tổ công tác Công an thành phố Điện Biên Phủ làm nhiệm vụ tại phát hiện, bắt quả tang và thu giữ vật chứng.

Đối với 03 viên Methamphetamine các bị cáo đã sử dụng: Tại công văn số 03 ngày 03/4/2025 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên trả lời: Qua rà soát, tập hợp các vụ, việc mà Phòng Kỹ thuật hình sự tiếp nhận và giám định liên quan đến loại ma túy tổng hợp, dạng viên hồng phiến có đặc điểm hình tròn, màu hồng, một mặt của viên dập chìm chữ WY từ tháng 10 năm 2024 đến tháng 3 năm 2025. Kết quả như sau: 01 viên ma túy hồng phiến có đặc điểm nêu ở trên, có khối lượng giao động từ 0,09 gam đến 0,11 gam.

Quá trình điều tra, bà Quảng Thị H và bà Quảng Thị D có lời khai thống nhất với bị cáo Đồng Minh D về quá trình sử dụng ma túy ngay tại phòng trọ của D, cũng như việc phát hiện, thu giữ vật chứng và xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Công an thành phố Điện Biên Phủ.

Tại Biên bản mở niêm phong xác định khối lượng lấy mẫu giám định và niêm phong vật chứng ngày 18/12/2024 xác định: vật chứng thu giữ của Nguyễn Tiến T2 là hai viên nén màu hồng ký hiệu M có khối lượng 0,18 gam. Còn vật chứng thu giữ của Đồng Minh D là 27 viên nén màu hồng ký hiệu M1 có khối lượng 2,56 gam; 06 viên nén màu hồng ký hiệu M2 có khối lượng 0,57 gam; 01 viên nén màu hồng có vết cháy sém đen ký hiệu M3 có khối lượng 0,05 gam; các hạt tinh thể màu trắng ký hiệu M4 có khối lượng 0,19gam. Lấy toàn bộ vật chứng ký hiệu M, M1, M2, M3, M4 gửi giám định.

Tại Bản kết luận giám định số: 1859/KL-KTHS ngày 24/12/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên đã kết luận: Vật chứng ký hiệu M1, M2, M3 có tổng khối lượng là 3,18 gam các viên nén màu hồng và 0,19 gam các hạt tinh thể màu trắng, là chất ma túy: Loại Methamphetamine (Vật chứng thu giữ của Đồng Minh D). Hoàn lại đối tượng giám định có khối lượng M1: 2,16 gam; M2: 0,47 gam; M3: 0,01 gam; M4: 0,11 gam.

Tại Bản kết luận giám định số: 1854/KL-KTHS ngày 24/12/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên đã kết luận: Vật chứng ký hiệu M có khối lượng là 0,18 gam các viên nén màu hồng, là chất ma túy: Loại Methamphetamine (Vật chứng thu giữ của Nguyễn Tiến T2). Hoàn lại đối tượng giám định có khối lượng M: 0,13 gam.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không khiếu nại về các kết luận giám định nêu trên.

Quá trình điều tra xác định: Xe mô tô biển kiểm soát 27H3-2662 là của bà Đặng Thị Tâm và xe mô tô biển kiểm soát 27P1-039.99 là của bà Trần Thị Ninh. Bà Tâm và bà Ninh không biết các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại xe mô tô cho các chủ sở hữu.

Tại Bản cáo trạng số: 58/CT-VKSTPĐBP ngày 15/4/2025 và Quyết định số: 162/QĐ-VKSĐBP ngày 22/5/2025 về việc sửa đổi bổ sung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên truy tố bị cáo

Đồng Minh D về hai tội: tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự và tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 256 của Bộ luật Hình sự. Truy tố bị cáo Nguyễn Tiến T2 về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố; các bị cáo nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

+ Tuyên bố bị cáo Đồng Minh D phạm các tội " Mua bán trái phép chất ma túy" và “ Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”. Áp dụng khoản 1 Điều 251; khoản 1 Điều 256; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 04 năm 06 tháng tù đến 05 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và từ 02 năm tù đến 02 năm 03 tháng tù về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”, tổng hợp hình phạt chung của hai tội từ 06 năm 06 tháng tù đến 07 năm 03 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

+ Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tiến T2 phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 13 tháng tù đến 16 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

+ Về xử lý vật chứng: Methamphetamine hoàn lại sau giám định là vật nhà nước cấm tàng trữ lưu hành cần tịch thu tiêu hủy cùng những vật dùng để gói, đựng ma túy cùng một điều tự chế, một bật lửa gas, 03 sim điện thoại là công cụ phương tiện phạm tội không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy; tịch thu để nộp ngân sách nhà nước 150.000 đồng là tiền bị cáo Đồng Minh D bán ma túy mà có. Đối với 02 chiếc điện thoại thu giữ của các bị cáo là phương tiện phạm tội nên đề nghị tịch thu bán sung Ngân sách nhà nước.

+ Về án phí: Các bị cáo chịu án phí HSST theo quy định.

Tại phiên tòa, các bị cáo nhất trí với Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát và đều không có lời bào chữa nào cho hành vi phạm tội của mình. Lời nói sau cùng của các bị cáo trước khi HĐXX nghị án: Các bị cáo xin Hội đồng giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về sự vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Quàng Thị H và bà Quàng Thị D đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, bà H có đơn xin xét xử vắng mặt còn bà D vắng mặt không có lý do. Xét thấy trong quá trình điều tra người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 292 của Bộ

luật tổ tụng hình sự, xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của các bị cáo, của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình điều tra và tại phiên tòa cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ xác định:

Vào ngày 18/12/2024 tại khu vực tổ 6, phường T1, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên, Đồng Minh D đã có hành vi bán trái phép 03 viên Methamphetamine có khối lượng 0,27 gam cho Nguyễn Tiến T2 được 150.000 đồng và cất giấu trái phép trên người và nơi ở 33 viên Methamphetamine có khối lượng 3,13 gam và một gói Methamphetamine dạng hạt tinh thể có khối lượng 0,19 gam, mục đích để sử dụng và bán kiếm lãi. Hành vi của bị cáo Đồng Minh D đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” với tổng khối lượng Methamphetamine đã cất giấu và bán lẻ là $0,27 + 3,13 + 0,19 = 3,59$ gam theo khoản 1 Điều 251 BLHS.

Sau khi bán ma túy cho T2, Đồng Minh D còn có hành vi bỏ mặc cho nhiều người là Quàng Thị D và Quàng Thị H sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng trọ của mình. Hành vi trên của D đã thoả mãn dấu hiệu về “Có bất kỳ hành vi nào khác chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” là tình tiết định tội quy định tại khoản 1 Điều 256 BLHS. Tại mục 7.2. phần II Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 24/12/2007 hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Chương XVIII “Các tội phạm về ma túy” của Bộ luật hình sự 1999 hướng dẫn như sau:

“Có bất kỳ hành vi nào khác chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” là trường hợp người có địa điểm thuộc quyền chiếm hữu của mình hoặc do mình quản lý, biết người khác (không phải là ông, bà, cha, mẹ, con, cháu, anh chị em ruột, vợ hoặc chồng của mình) là đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy, tuy không cho họ thuê, mượn địa điểm, nhưng lại để mặc cho họ hai lần sử dụng trái phép chất ma túy trở lên hoặc để mặc cho nhiều người sử dụng trái phép chất ma túy”. Áp dụng tinh thần điều luật nói trên thì hành vi bỏ mặc cho D và H sử dụng trái phép chất ma túy tại nhà trọ của D đã hoàn thành nên D phải chịu trách nhiệm hình sự theo khoản 1 Điều 256 về tội “Chứa chấp sử dụng trái phép chất ma túy”.

Đối với 02 viên Methamphetamine mà D lấy ra để sử dụng trong đó D đã sử dụng hết 01 viên; 01 viên còn dở, D để lại trong phòng; khi đó có Quàng Thị H là em gái ruột của D và Quàng Thị D tự ý lấy số Methamphetamine dở còn lại đốt hút, D nhìn thấy nhưng bỏ mặc thì D đã phải chịu trách nhiệm hình sự về tội Chứa chấp sử dụng trái phép chất ma túy như đã phân tích nên áp dụng theo hướng có lợi cho bị cáo, HĐXX không xét trách nhiệm hình sự về khối lượng 02 viên Methamphetamine trong tội “Mua bán trái phép chất ma túy” với D nữa.

Đối với hành vi phạm tội của Nguyễn Tiến T2: Hồi 12 giờ 30 ngày 18/12/2024 tại phòng 402 nhà Nghỉ Tuấn Long thuộc tổ 15, phường M, thành

phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên, Nguyễn Tiến T2 đã có hành vi cất trái phép trong phòng 03 viên Methamphetamine có khối lượng 0,27 gam mục đích để sử dụng cho bản thân. Trong đó, bị cáo đã sử dụng hết 01 viên còn 02 viên thu giữ khi bị bắt quả tang. Lời khai của bị cáo T2 trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa thống nhất với lời khai của bị cáo D về việc mua bán 03 viên Methamphetamine nên có cơ sở xác định T2 tàng trữ 03 viên Methamphetamine. Trong đó, 02 viên bị thu giữ khi bắt quả tang cân xác định khối lượng là 0,18 gam. Còn 01 viên T2 đã sử dụng hết thì T2 và D đều khai có dạng viên nén hình tròn, màu hồng, còn nguyên vẹn, không bị sút mẻ, giống với các viên hồng phiến khác mà cơ quan công an thu giữ. Căn cứ vào công văn số 03 ngày 03/4/2025 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên trả lời về nội dung: 01 viên ma túy hồng phiến có đặc điểm nêu ở trên, có khối lượng giao động từ 0,09 gam đến 0,11 gam để xác định khối lượng 01 viên Methamphetamine mà T2 đã sử dụng là 0,09 gam theo nguyên tắc có lợi cho bị cáo. Như vậy, T2 pH chịu TNHS về tổng khối lượng ma túy đã sử dụng và tàng trữ là 0,27 gam như cáo trạng truy tố theo điểm c khoản 1 Điều 249/BLHS là đúng.

Cáo trạng truy tố các bị cáo là đúng người đúng tội, đúng quy định. Các bị cáo đều có đủ năng lực để chịu trách nhiệm trước pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ, động cơ hành vi phạm tội của các bị cáo: Các bị cáo phạm tội đều thuộc trường hợp nghiêm trọng. Các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được tác hại của ma túy đối với bản thân và cộng đồng cũng như nhận thức được chính sách pháp luật hình sự của nhà nước đối với những hành vi tàng trữ, mua bán, chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm những quy định của nhà nước về chế độ quản lý, sử dụng các chất ma túy và ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự trên địa bàn thành phố Điện Biên Phủ. Do vậy, cần pH áp dụng một mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, pH cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo đều chưa bị xử phạt vi phạm hành chính và chưa bị Tòa án nào xét xử. Tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình và tỏ rõ thái độ hối lỗi nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS cả hai bị cáo và trong tất cả các tội.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Mức hình phạt và tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng đối với các bị cáo là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính, các bị cáo còn có thể bị phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 251; khoản 3 Điều 256 và khoản 5 Điều 249 của Bộ luật hình sự, tuy nhiên các bị cáo không có nghề nghiệp, thu

nhập ổn định, đến nay không còn tài sản có giá trị. Do vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Về vật chứng vụ án:

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự:

+ Số Methamphetamine hoàn lại sau giám định (2,75 gam Methamphetamine hoàn lại sau giám định thu giữ của Đồng Minh D và 0,13 gam Methamphetamine hoàn lại sau giám định thu giữ của Nguyễn Tiến T2) là vật nhà nước cấm tàng trữ lưu hành cần tịch thu tiêu huỷ theo điểm c khoản 1 Điều 47 BLHS và điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS.

+ Những vật để gói, đựng ma túy cùng những vật để sử dụng ma túy (điều tự chế, một bật lửa gas, mảnh nylon màu trắng, túi nylon màu trắng, mảnh nhựa, mảnh giấy bạc) và 03 sim điện thoại thu giữ của các bị cáo là công cụ phương tiện phạm tội không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu huỷ theo điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS và điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS.

+ Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 150.000 đồng là tiền bị cáo Đồng Minh D bán ma túy mà có theo điểm b khoản 1 Điều 47 BLHS và điểm b khoản 2 Điều 106 BLTTHS.

+ Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 02 chiếc điện thoại là phương tiện phạm tội thu giữ của bị cáo D và T2 theo điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS và điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS.

Trong hồ sơ vụ án còn thể hiện: Bị cáo D mua ma túy của người phụ nữ không biết tên, địa chỉ nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để điều tra, làm rõ, HĐXX không xem xét.

Quàng Thị D có hành vi bỏ mặc Đồng Minh D một lần sử dụng trái phép ma túy và Quàng Thị H sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng trọ của mình nhưng do Quàng Thị H là em ruột của D nên hành vi của D không cấu thành tội Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy.

Đối với Quàng Thị D và Quàng Thị H có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy nên đã bị Công an thành phố Điện Biên Phủ xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức Cảnh cáo theo quyết định số 15, 16 ngày 16/01/2025.

Đối với chủ nhà nghỉ Tuấn Long và chủ phòng trọ cho D và D thuê. Quá trình điều tra xác định các chủ nhà nghỉ không biết việc các bị cáo thuê phòng để thực hiện hành vi phạm tội nên không xử lý, HĐXX không xem xét.

[7]. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của BLTTHS và điểm b khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, mỗi bị cáo pH chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[8]. Về các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có

ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 251; khoản 1 Điều 256 BLHS:

Tuyên bố bị cáo **Đồng Minh D** phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”.

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS:

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Tiến T2** phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 251; khoản 1 Điều 256; điểm a khoản 1 Điều 55; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo **Đồng Minh D** 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và 02 (hai) năm tù về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”

Tổng hợp hình phạt của cả hai tội buộc bị cáo PH chấp hành 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ (ngày 18/12/2024).

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Tiến T2** 01 (Một) năm 01 (Một) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ (ngày 18/12/2024).

3. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự:

Tịch thu, tiêu hủy: 0,13 gam Methamphetamine (là vật chứng còn lại sau giám định của Nguyễn Tiến T2); 2,75 gam Methamphetamine (là vật chứng còn lại sau giám định của Đồng Minh D); 02 chiếc túi nilon màu trắng loại có mép dính; 01 chiếc bật lửa gas màu xanh nhãn hiệu THONGNHAT và 01 chiếc bật lửa gas nhãn hiệu Thống nhất màu vàng; 01 chiếc ống điều tự chế bằng vỏ chai nhựa màu trắng và 01 chiếc ống điều tự chế bằng vỏ chai nhựa màu trắng có nắp màu đỏ, ở nắp có lắp ống hút nhựa, phần nỏ điều được làm bằng ống hút thực vật và ống hút nhựa; 01 mảnh giấy bạc **màu trắng, có vết cháy xém màu đen và 01 mảnh giấy bạc màu trắng**; 01 mảnh băng dính màu đen, 01 mảnh nilon màu trắng; 01 mảnh nhựa màu đen; 03 sim điện thoại: sim số 0838.816.777 (thu giữ

của Nguyễn Tiến T2) và sim số: 0888.162.111, sim số 0981.708.078 (thu giữ của Đồng Minh D).

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) là số tiền Đồng Minh D phạm tội mà có.

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại loại màn hình cảm ứng nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy A7 màu xanh, số IMEI1: 351580103419954, IMEI2: 351581103419952 (thu giữ của Đồng Minh D) và 01 chiếc điện thoại di động Iphone 13, màu trắng, số imei: 352561336752261 (thu giữ của Nguyễn Tiến T2).

(Vật chứng theo mô tả tại Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 17/4/2025 giữa cơ quan cảnh sát điều tra, Công an thành phố Điện Biên Phủ và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ).

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của BLTTHS và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, mỗi bị cáo pH chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (02/6/2025). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND TP Điện Biên Phủ;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Cơ quan điều tra Công an tỉnh Điện Biên;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Điện Biên;
- Phòng cảnh sát THAHS và HTTP Công an tỉnh Điện Biên;
- Phân trại tạm giam khu vực TP.Điện Biên Phủ;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- HS Thi hành án HS;
- Chi cục THADS TP Điện Biên Phủ;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ; Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHÊN TÒA**

(Đã ký, đóng dấu)

Trần Thị Thu Trà